TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2018/HNGĐ-ST Ngày 09-11-2018 V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 462/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Triều H; nơi cư trú: Số 47/34 C, phường Đ, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 47/34 C, phường Đ, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 25, Khu sản xuất T, Trại giam X (Nhà máy đóng gạch Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/8/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Triều H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, đến năm 2011 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mải chơi cờ bạc, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình bởi vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Đến năm 2013 anh T bị Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải phòng xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" hiện đang phải chấp hành tại Trại giam X (Nhà máy đóng gạch Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình). Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị Hoa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/200A và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/11/200B. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con (do anh T đang chấp hành án tại tại Trại giam Xnên không có điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con chung) khi nào anh T được ra tù, vợ chồng sẽ bàn bạc lại.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 15/10/2018 tại Trại giam X anh T trình bày: Anh kết hôn với chị H năm 2005 và đã có 02 con chung. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2010, đến năm 2013 anh bị Tòa án Quận Lê Chân xử phạt 09 năm tù và hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam X. Trong suốt thời gian chấp hành án từ năm 2013 đến nay chị H không một lần thăm gặp hay động viên. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận Lê Chân giải quyết ly hôn đối với anh, anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/200A và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/11/200B. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn do anh đang phải chấp hành án nên không có điều kiện nuôi dưỡng con chung, nhưng anh đề nghị Tòa án giao con chung cho ông bà nội là ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị C (bố mẹ đẻ của anh) nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị Triều H được ly hôn anh Nguyễn Đức T; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/200A và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/11/200B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xin xác nhận tạm trú thể hiện anh Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 47/34 C, phường Đ, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 25, Khu sản xuất T, Trại giam X (Nhà máy đóng gạch Đ, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Phạm Thị Triều H và anh Nguyễn Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đức Tvắng mặt, song anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức T.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Triều H, sinh ngày 01/6/198C và anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 21/9/198D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 25/11/2005. Quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống cho đến nay cả hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ và

cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn. Qua điều tra xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T kéo dài nhiều năm nay, hai bên sống ly thân nhau từ năm 2010, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế, hiện anh T đang phải chấp hành án (09 năm tù) tại Trại giam X. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, bởi vậy yêu cầu của chi H xin được ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với qui định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị H và anh T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/200A và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/11/200B. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho ông bà nội là ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị C (bố mẹ đẻ của anh) nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của chị H là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với qui định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên cần được chấp nhận. Anh T hiện đang phải chấp hành án (09 năm tù) tại Trại giam X nên không có điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con chung, việc anh T đề nghị giao con chung cho ông bà nội nuôi dưỡng là không có cơ sở để chấp nhận. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con tạm thời không đặt ra.

[6] Về chia tài sản: Chị H và anh T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh chị Phạm Thị Triều H và anh Nguyễn Đức T.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/200A và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05/11/200B cho chị Phạm Thị Triều H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tạm thời không đặt ra.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Triều H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số số 0012755 ngày 06 tháng 9 năm 2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Quận Lê Chân;
- THADS Quận Lê Chân;
- UBND p. Đông Hải, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng (GCNKH 2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan